

**TUẦN 34**

 ***Họ và tên:***………………………………..***Lớp***…………

**Kiến thức cần nhớ**

**1. Tập đọc**

**Tiếng cười là liều thuốc bổ**: Bài báo có nội dung về công dụng của tiếng cười. Con người cười rất nhiều, và điều đó vô cùng tốt. Nụ cười khiến con người có cảm giác thoải mái, thậm chí là một biện pháp điều trị bệnh.

**Ăn “mầm đá”:** Câu chuyện kể về Trạng Quỳnh, người nổi tiếng thông minh, mưu mẹo và hài hước. Trạng đã dùng những cách hài hước để răn dạy vua. Khi vua chán của ngon, thấy ăn không ngon miệng, trong khi dân chúng còn khó khăn, vậy nên Trạng đã bày trò mời vua ăn "mầm đá", rồi lại cho vua ăn tương, bằng một cách chơi chữ hài hước.

**2. Luyện từ và câu**

**a. MRVT: Lạc quan - Yêu đời.**

**1. Mở rộng vốn từ Lạc quan - Yêu đời**

**1.1. Một số từ có chứa từ “lạc”**

- Lạc có nghĩa là “vui mừng”: lạc quan, lạc thú

- Lạc có nghĩa là “rớt lại, sai”: lạc hậu, lạc điệu,lạc đề

**1.2. Một số từ có chứa từ “quan”**

- Quan có nghĩa là “quan lại”: quan quân

- Quan có nghĩa là “nhìn, xem”: Lạc quan

- Quan có nghĩa là “liên hệ, gắn bó”: quan hệ, quan tâm

**2. Một số câu tục ngữ về chủ đề lạc quan yêu đời:**

**2.1. Sông có khúc, người có lúc**

- Nghĩa đen: Dòng sông có khúc thẳng, khúc quanh, khúc rộng, khúc hẹp,…. Con người cũng như vậy, có lúc sướng, lúc khổ, lúc vui, lúc buồn.

- Nghĩa bóng (lời khuyên): Cuộc sống gặp phải những khó khăn vất vả là chuyện thường tình. Không nên vì vậy mà buồn phiền hoặc nản chí.

**2.2. Kiến tha lâu cũng đầy tổ**

- Nghĩa đen: Con kiến rất nhỏ bé, mỗi lần chỉ tha được một ít mồi, nhưng tha mãi cũng có ngày đầy tổ.

- Nghĩa bóng (lời khuyên): Nhiều cái nhỏ dồn lại sẽ thành cái lớn, kiên trì và nhẫn nại thì ắt sẽ thành công.

**b. Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu**.

- Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng các từ: bằng, với

**Ví dụ:**

Bằng khả năng thuyết phục của mình, anh ấy đã khiến cho cô ấy phải đồng ý ký vào bản hợp đồng.

- Trạng ngữ chỉ phương tiện thường trả lời cho câu hỏi: Bằng cái gì?, Với cái gì?

**Ví dụ:**

Với một chiếc khăn đơn giản, nhà ảo thuật đã tạo nên rất nhiều tiết mục đặc sắc.

**3. Tập làm văn**

**Điền vào giấy tờ in sẵn**.

Đối với những giấy tờ in sẵn, thường là những bảng - biểu mẫu mang tính xác thực cao, các em học sinh cần chú ý:

- Khai đúng thông tin sự thật vào giấy tờ

- Trả lời các câu hỏi/các yêu cầu thông tin: ngắn gọn, đầy đủ, chính xác.

- Kiểm tra lại toàn bộ thông tin trên giấy tờ in sẵn trước khi giao nộp cho bên nhận giấy.

**B. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**I. ĐỌC HIỂU**

**XÂY CẦU**

Có hai anh em nhà nọ sống cạnh nhà nhau, nhưng vì xảy ra một vài mâu thuẫn nho nhỏ, họ không nói chuyện với nhau, coi nhau như người dưng nước lã.

Người em còn thuê người đào một cái mương nước ngăn cách vườn của hai nhà, nhằm tỏ rõ ý sẽ không bao giờ qua lại với người anh nữa.

Người anh chẳng chịu kém phần, cũng thuê đội thợ gỗ đến làm một hàng rào bao quanh nhà. Nhưng lúc người anh đi làm về, nhìn thấy sản phẩm của đội thợ gỗ mới trợn tròn mắt kinh ngạc. Xuất hiện trước mặt anh không phải là hàng rào mà là một cây cầu nhỏ tuyệt đẹp. Cây cầu này được bắc qua con mương, nối liền khu vườn của cả hai nhà.

Đúng lúc ấy người em đi làm về, nhìn thấy cây cầu gỗ xinh đẹp bắc qua mương nước, thì vô cùng cảm động. Anh ta liền chạy lên cầu, qua bên nhà anh trai, ôm chầm lấy anh trai của mình và nói:

“Anh, anh thật tuyệt vời! Em đã làm nhiều chuyện có lỗi với anh, vậy mà anh vẫn cho xây cây cầu tuyệt đẹp này!”

Người anh mắt cũng ngân ngấn lệ, ôm chặt lấy người em. Thấy hai anh em vui vẻ, hòa thuận trở lại, đội thợ gỗ hài lòng thu dọn đồ chuẩn bị về.

“Đợi chút đã, tôi có rất nhiều việc cần các anh giúp!”- Người anh nói.

Một người thợ gỗ đáp: “Tôi cũng muốn ở lại lắm, nhưng còn rất nhiều cây cầu chờ chúng tôi xây!”

(*Trích* **168 câu chuyện hay nhất - Học cách giao tiếp** - Ngọc Linh biên soạn)

**1. Ở đoạn đầu câu chuyện, những hành động của hai anh em cho thấy họ là người như thế nào?**

A. Bủn xỉn

B. Hiếu thắng

C. Không khoan hòa, độ lượng.

D. Cả B và C đều đúng.

**2. Người em đào một cái mương nước ngăn cách vườn của hai nhà và người anh định làm một hàng rào bao quanh nhà nhằm mục đích gì?**

A. Họ muốn tạo nên cảnh quan đẹp cho ngôi nhà.

B. Họ muốn bảo vệ sự an toàn cho ngôi nhà của mình.

C. Họ muốn thể hiện mình không bao giờ muốn qua lại với người kia nữa.

D. Họ muốn chứng tỏ sự giàu có của mình.

**3. Tại sao người em khi nhìn thấy cây cầu gỗ xinh đẹp bắc qua mương nước thì vô cùng cảm động, liền chạy lên cầu, qua bên nhà anh trai, ôm chầm lấy anh trai của mình?**

A. Vì vẻ đẹp tuyệt vời của cây cầu đã khiến anh ta quên hết mọi hận thù.

B. Vì anh ta nghĩ anh trai đã không chấp nhặt những hành động nhỏ nhen của mình mà xây cây cầu để làm hòa.

C. Vì anh ta muốn cảm ơn anh trai khi nghĩ anh ấy đã xây cây cầu tuyệt đẹp đó để tặng cho mình.

D. Cả A và B.

**4. Câu “Anh, anh thật tuyệt vời!” thuộc kiểu câu:**

A. Câu khiến

B. Câu cảm

C. Câu kể

D. Câu hỏi

**5. Đám thợ gỗ cố tình xây cây cầu gỗ xinh đẹp bắc qua con mương thay vì hàng rào theo ý người anh để làm gì?**

A. Để giúp người anh đi lại thuận tiện.

B. Để cố tình khiêu khích người em.

C. Để giúp hai anh em giảng hòa và hàn gắn tình cảm của họ.

**6. Hãy nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong đoạn sau: *“Đợi chút đã, tôi có rất nhiều việc cần các anh giúp!”- Người anh nói.***

A. Dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật.

B. Dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.

C. Dùng để đánh dấu phần chú thích.

**7. Có bao nhiêu từ trong câu sau: “Thấy hai anh em vui vẻ, hòa thuận trở lại, đội thợ gỗ hài lòng thu dọn đồ chuẩn bị về.”?**

A. 12

B. 13

C. 14

D. 15

**8. Câu tục ngữ, thành ngữ nào phù hợp để khuyên nhủ hai anh em trong câu chuyện trên?**

A. Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

B. Ai ai giữ chí cho bền

Dù ai xoay hướng, đổi nền mặc ai.

C. Khôn ngoan đối đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

D. Cả 3 đáp án trên.

**9. Lời nói của người thợ gỗ: *“… còn rất nhiều cây cầu chờ chúng tôi xây*!” có nghĩa là gì?**

A. Công việc của họ rất bận.

B. Còn nhiều sự thù hận khác cần được hóa giải bởi sự khoan dung và độ lượng.

C. Họ lấy cớ để không phải ở lại nhà người anh.

D. Cả A và C

**10. Câu chuyện muốn nhắn nhủ tới chúng ta điều gì?**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**1. Điền vào chỗ trống từ ngữ chứa tiếng ở cột bên trái.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng** | **Từ ngữ** | **Tiếng** | **Từ ngữ** |
| rải | ...................................................  ................................................... | rong | ...................................................  ................................................... |
| dải | ...................................................  ................................................... | dong | ...................................................  ................................................... |
| giải | ...................................................  ................................................... | giong | ...................................................  ................................................... |

**Đáp án**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng** | **Từ ngữ** | **Tiếng** | **Từ ngữ** |
| rải | Rải rác, lải rải, rải đá, rải truyền đơn, rải thính…. | rong | rong rêu, rong chơi, hàng rong,… |
| dải | Dải áo, dải lụa, dải sông, dải ngân hà, dải khoai, dải chiếu, | dong | lá dong, thong dong, dong dỏng, dong thai,… |
| giải | Bài giải, giải thưởng, giải khát, giải nghĩa, mồm loa mép giải, giải phóng, giải buồn, giải phẫu, giải tỏa, áp giải, giải thích, nan giải,… | giong | Giong ruổi, giong trẻ, giong trâu, trống giong cờ mở,… |

**2. Gạch dưới các từ chỉ cảm giác vui trong mỗi câu sau đây:**

a. Em bé thích chí, cười khanh khách.

b. Nét mặt rạng rỡ của em khiến cả nhà đều vui.

c. Tôi sung sướng hơn bao giờ hết, khi thấy cả nhà đầm ấm.

d. Bố mẹ tôi rất hạnh phúc khi thấy các con khỏe mạnh, vui chơi.

**3. Tìm và ghi vào chỗ trống trong bảng:**

|  |  |
| --- | --- |
| Từ láy có tiếng *vui* | Từ ghép có tiếng *vui* |
| M: vui vầy,……………………………  ……………………………………………  …………………………………………..  ……………………………………………. | M: vui lòng,………………………………  ……………………………………………  …………………………………………….  …………………………………………….. |

Đáp án:

- Từ láy có tiếng *vui*: vui vẻ, vui vầy, vui vui

- Từ ghép có tiếng *vui*: vui lòng, vui tính, vui mắt, vui chân, vui miệng, vui tai, vui chơi, vui nhộn, vui thú, vui tươi, vui thích, vui sướng,…

**4. Xếp các từ ghép tìm được ở bài 3 thành hai loại, rồi điền vào chỗ trống.**

a) Từ ghép có nghĩa tổng hợp:

M: vui thích,……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

b) Từ ghép có nghĩa phân loại:

M: vui mắt,……………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………

Đáp án:

- Từ ghép có nghĩa tổng hợp: vui thích, vui chơi, vui nhộn, vui sướng, thú vui, vui tươi,…

- Từ ghép có nghĩa phân loại: vui mắt, vui miệng, vui tai, vui tính, vui lòng, vui chân,…

**5. Chọn từ trong ngoặc thích hợp điền vào chỗ chấm.**

a. Nhìn nét mặt………………….của anh ấy, tôi cũng vui lây. *vui tươi*

b. Chúng tôi……………………….nhìn theo hai người. *vui sướng*

c. Không phải chúng tôi…………………cho thiên hạ. *mua vui*

d. Anh ấy đã…………..với chúng tôi bằng một bài hát. *góp vui*

**6. Tìm từ có tiếng vui có nghĩa sau đây và đặt câu với mỗi từ đó**

a. Hoạt động làm cho con người thấy thoải mái.

*Vui chơi: Chúng tôi vui chơi thoải mái trong giờ giải lao.*

b. Cảm giác hài lòng của một ai đó.

*Vui lòng: Mong anh vui lòng giúp cho.*

c. Tính cách của những người có tính hài hước.

*Vui tính: Thầy giáo tôi rất vui tính.*

d. Sự bằng lòng về một vấn đề của mỗi người.

*Vui vẻ: Chúng tôi vui vẻ đến nơi đã hẹn.*

**7. Đọc các câu sau và thực hiện theo yêu cầu**

a) *Bằng thái độ lạnh lùng, cụ già đã dạy cho tên phát xít Đức một bài học nhẹ nhàng nhưng sâu cay.*

b) *Với niềm tin vào một truyền thuyết, Xa-da-cô đã lặng lẽ gấp những con sếu trong những ngày cuối cùng của đời mình ở bệnh viện.*

*c) Anh ấy đã thi đấu bằng mọi khả năng của mình.*

*d) Từ những mảnh giấy màu, cô giáo đã làm ra rất nhiều đồ chơi.*

*e) Bằng cái giọng trầm và ấm, Bìm Bịp báo hiệu mùa xuân đã tới.*

**7.1.** Gạch dưới những trạng ngữ trong mỗi câu trên.

**7.2.** Những trạng ngữ trên trả lời cho câu hỏi nào?

a. Bằng cái gì? Với cái gì?

b. Vì sao? Nhờ đâu? Tại đâu?

c. Ở đâu? Vì sao?

**8. Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm dưới đây:**

a) **Với tinh thần say mê học hỏi**, anh ấy đã rất thành thạo máy tính.

*Anh ấy rất thành thạo máy tính nhờ điều gì?*

b) **Chỉ với chiếc bàn phím**, anh đã đưa cả thế giới vào máy tính.

*Anh đã đưa cả thế giới vào máy tính bằng cách nào?*

c) **Bằng bàn tay khối óc,** anh ấy đã rất thành công.

*Anh ấy đã rất thành công nhờ vào điều gì?*

d) Nhiều phần mềm ứng dụng được ra đời **từ sự sáng tạo của anh ấy.**

*Nhiều phần mềm ứng dụng được ra đời bằng cách nào?*

**9.** Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho mỗi câu sau:

a)…………….. , ngày nào bạn Lan cũng vượt qua 30 cây số để đến trường.

b)…………. , cô ấy đã chiến thắng được căn bệnh hiểm nghèo.

c)……………………………………………………...…….…..bạn ấy đã thắng.

d)…………………………………………………..…..….., bác ấy đã làm ra tất cả.

e) Bác ấy đã đi lên………………………………………………………….……….

f) Bác xây nhà to đẹp……………………………………………………………...

**10. Hãy đặt hai câu có dùng trạng ngữ chỉ phương tiện.**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**III. TẬP LÀM VĂN**

**1. Tả con vật ở vườn bách thú mà em yêu thích.**

**2.** Giả định em cần xin chuyển trường để thuận tiện cho việc đi học, em hãy giúp mẹ điền những nội dung cần thiết vào giấy giới thiệu dưới đây.

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC QUẬN/HUYỆN........................  TRƯỜNG TIỂU HỌC.................................................  Số:..................THKT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **---------------------**  *............, ngày ..... tháng ..... năm .......* |

**GIẤY GIỚI THIỆU**

Kính gửi Ban Giám hiệu Trường:

Ban giám hiệu trường:

Xin giới thiệu ông (bà):

Là phụ huynh em:

Hiện đang là học sinh lớp:................. Trường:

Đến trường Tiểu học:

Để liên hệ xin chuyển trường cho học sinh:

Rất mong quý trường tạo mọi điều kiện tiếp nhận.

*..........., ngày .... tháng ..... năm ........*

|  |  |
| --- | --- |
| **HỒ SƠ KÈM THEO**  **- Học bạ hợp lệ**  **- Giấy khai sinh**  **- Phiếu điểm** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Lê Văn A** |

ĐÁP ÁN

**I. ĐỌC HIỂU**

**1. D 2. C 3. B 4. B 5. C 6. C 7. C 8. C 9. B**

**10. Câu chuyện muốn nhắn nhủ tới chúng ta điều gì?**

Tham khảo:

*Câu chuyện trên muốn gửi gắm tới chúng ta rằng: Khi xảy ra mâu thuẫn, buộc phải có một người nhượng bộ, chỉ có sự khoan dung mới có thể hóa giải hận thù.*

**II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng** | **Từ ngữ** | **Tiếng** | **Từ ngữ** |
| rải | Rải rác, lải rải, rải đá, rải truyền đơn, rải thính…. | rong | rong rêu, rong chơi, hàng rong,… |
| dải | Dải áo, dải lụa, dải sông, dải ngân hà, dải khoai, dải chiếu, | dong | lá dong, thong dong, dong dỏng, dong thai,… |
| giải | Bài giải, giải thưởng, giải khát, giải nghĩa, mồm loa mép giải, giải phóng, giải buồn, giải phẫu, giải tỏa, áp giải, giải thích, nan giải,… | giong | Giong ruổi, giong trẻ, giong trâu, trống giong cờ mở,… |

**2. Gạch dưới các từ chỉ cảm giác vui trong mỗi câu sau đây:**

a. Em bé thích chí, cười khanh khách.

b. Nét mặt rạng rỡ của em khiến cả nhà đều vui.

c. Tôi sung sướng hơn bao giờ hết, khi thấy cả nhà đầm ấm.

d. Bố mẹ tôi rất hạnh phúc khi thấy các con khỏe mạnh, vui chơi.

**3. Tìm và ghi vào chỗ trống trong bảng:**

- Từ láy có tiếng *vui*: vui vẻ, vui vầy, vui vui

- Từ ghép có tiếng *vui*: vui lòng, vui tính, vui mắt, vui chân, vui miệng, vui tai, vui chơi, vui nhộn, vui thú, vui tươi, vui thích, vui sướng,…

**4. Xếp các từ ghép tìm được ở bài 3 thành hai loại, rồi điền vào chỗ trống.**

- Từ ghép có nghĩa tổng hợp: vui thích, vui chơi, vui nhộn, vui sướng, thú vui, vui tươi,…

- Từ ghép có nghĩa phân loại: vui mắt, vui miệng, vui tai, vui tính, vui lòng, vui chân,…

**5. Chọn từ trong ngoặc thích hợp điền vào chỗ chấm.**

a. *vui tươi* b. *vui sướng* c. *mua vui* d. *góp vui*

**6. Tìm từ có tiếng vui có nghĩa sau đây và đặt câu với mỗi từ đó**

a. Hoạt động làm cho con người thấy thoải mái.

*Vui chơi: Chúng tôi vui chơi thoải mái trong giờ giải lao.*

b. Cảm giác hài lòng của một ai đó.

*Vui lòng: Mong anh vui lòng giúp cho.*

c. Tính cách của những người có tính hài hước.

*Vui tính: Thầy giáo tôi rất vui tính.*

d. Sự bằng lòng về một vấn đề của mỗi người.

*Vui vẻ: Chúng tôi vui vẻ đến nơi đã hẹn.*

**8. Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm dưới đây:**

a) **Với tinh thần say mê học hỏi**, anh ấy đã rất thành thạo máy tính.

*Anh ấy rất thành thạo máy tính nhờ điều gì?*

b) **Chỉ với chiếc bàn phím**, anh đã đưa cả thế giới vào máy tính.

*Anh đã đưa cả thế giới vào máy tính bằng cách nào?*

c) **Bằng bàn tay khối óc,** anh ấy đã rất thành công.

*Anh ấy đã rất thành công nhờ vào điều gì?*

d) Nhiều phần mềm ứng dụng được ra đời **từ sự sáng tạo của anh ấy.**

*Nhiều phần mềm ứng dụng được ra đời bằng cách nào?*